



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021	12 - 32
8. Phụ lục	33 - 36

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần S.P.M hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0302271207, đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 3 năm 2001 và đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 15 tháng 11 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SPM.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : (84-28) 37 507 496
- Fax : (84-28) 38 771 010

Công ty có Văn phòng đại diện tại C4 – C8 Bửu Long, Phường 15, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm. Bán buôn thực phẩm chức năng;
- Bán lẻ nguyên liệu sản xuất các mặt hàng máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động; máy móc trang thiết bị y tế, khẩu trang, găng tay, đồ bảo hộ lao động (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ thuốc (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất thực phẩm chức năng;

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đào Hữu Hoàng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ông Huỳnh Phú Hải	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Văn Tất Chiến	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Bà Đỗ Thị Mai	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ông Đào Hữu Khôi	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2015

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ngô Quốc Dũng	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Ông Bùi Công Sơn	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2021
Bà Ôn Ngọc Lan	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002
Ông Dương Nguyễn Trường Huy	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2017

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Thế Kỳ	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002
Ông Huỳnh Phú Hải	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 10 năm 2007
Ông Văn Tất Chiên	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 6 năm 2007

## Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Thế Kỳ - Tổng Giám đốc Công ty (bổ nhiệm ngày 10 tháng 12 năm 2002).

## Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty.

## Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

## Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,  


Nguyễn Thế Kỳ  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>882,578,604,981</b>	<b>869,264,939,670</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>454,559,233</b>	<b>239,988,583</b>
1. Tiền	111		454,559,233	239,988,583
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>831,274,664,141</b>	<b>812,174,378,910</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	752,698,034,696	716,742,213,369
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	57,087,361,141	64,803,471,278
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4	37,000,000,000	38,412,327,657
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	78,518,102,048	88,152,521,929
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(94,028,833,744)	(95,936,155,323)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>V.7</b>	<b>49,098,604,206</b>	<b>53,900,071,427</b>
1. Hàng tồn kho	141		51,001,876,700	55,738,146,531
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1,903,272,494)	(1,838,075,104)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1,750,777,401</b>	<b>2,950,500,750</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	1,231,746,381	600,289,915
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		519,031,020	2,350,210,835
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>185,676,402,871</b>	<b>184,775,685,969</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>35,000,000,000</b>	<b>35,000,000,000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	35,000,000,000	35,000,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>71,119,228,485</b>	<b>72,863,588,162</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	66,201,760,129	67,755,920,430
- Nguyên giá	222		249,863,574,855	243,772,777,844
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(183,661,814,726)	(176,016,857,414)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4,917,468,356	5,107,667,732
- Nguyên giá	228		8,603,940,878	8,603,940,878
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3,686,472,522)	(3,496,273,146)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>67,740,828,007</b>	<b>65,354,085,497</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	67,740,828,007	65,354,085,497
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>9,504,000,000</b>	<b>9,504,000,000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.12	9,504,000,000	9,504,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2,312,346,379</b>	<b>2,054,012,310</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2,306,481,307	1,817,887,392
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	5,865,072	236,124,918
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1,068,255,007,852</b>	<b>1,054,040,625,639</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>282,581,993,390</b>	<b>288,561,324,243</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>282,581,993,390</b>	<b>288,561,324,243</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	25,371,916,317	39,281,062,182
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	7,175,589,524	3,791,961,470
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	4,222,380,635	2,453,401,483
4. Phải trả người lao động	314	V.17	3,051,990,985	3,239,163,000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	263,314,874	282,867,413
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	31,091,708,213	24,040,692,087
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20	211,405,092,842	215,472,176,608
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>785,673,014,462</b>	<b>765,479,301,396</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>785,673,014,462</b>	<b>765,479,301,396</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.21	140,000,000,000	140,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		140,000,000,000	140,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	210,885,368,500	210,885,368,500
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.21	(10,036,370,000)	(10,036,370,000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.21	444,824,015,962	424,630,302,896
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a		424,630,302,896	424,630,302,896
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		20,193,713,066	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1,068,255,007,852</b>	<b>1,054,040,625,639</b>


Võ Thành Nhân  
Người lập biểu/Kế toán trưởngNguyễn Thế Kỳ  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh		
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	768,359,616,822	660,069,034,058
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	58,470,067,650	50,075,240,288
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		709,889,549,172	609,993,793,770
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	625,038,645,677	515,972,664,587
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		84,850,903,495	94,021,129,183
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	114,125,572	490,199,142
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12,242,023,524	14,913,324,515
Trong đó: chi phí lãi vay	23		11,451,758,787	14,613,571,177
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	32,994,429,430	43,466,376,494
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	13,302,639,386	25,544,850,888
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		26,425,936,727	10,586,776,428
11. Thu nhập khác	31		67,298,977	45,883,018
12. Chi phí khác	32	VI.8	282,145,855	184,879,608
13. Lợi nhuận khác	40		(214,846,878)	(138,996,590)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		26,211,089,849	10,447,779,838
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	5,787,116,937	2,195,526,233
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	230,259,846	4,519,532
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>20,193,713,066</u>	<u>8,247,734,073</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1,467</u>	<u>599</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>1,467</u>	<u>599</u>


Võ Thành Nhân  
Người lập biểu/Kế toán trưởngNguyễn Thế Kỳ  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26,211,089,849	10,447,779,838
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9, V.10	8,320,194,553	6,848,741,921
- Các khoản dự phòng	03	V.6, V.7	65,197,390	13,970,497,673
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	658,460,063	199,497,332
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4, VI.8	177,552,589	(344,176,130)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	11,451,758,787	14,613,571,177
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		46,884,253,231	45,735,911,811
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(24,801,553,194)	(16,633,119,279)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		4,736,269,831	(37,089,565,529)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(4,700,899,774)	21,380,578,247
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1,120,050,381)	(66,866,180)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.18, VI.5	(11,448,926,686)	(14,876,184,239)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(3,843,389,989)	(1,204,860,557)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5,705,703,038</b>	<b>(2,754,105,726)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.9, V.11, VII	(7,399,169,966)	(20,694,221,288)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	V.9, VI.8	53,773,182	113,636,363
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.4	1,412,327,657	21,680,973,910
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a	4,464,714,045	422,527,200
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1,468,355,082)</b>	<b>1,522,916,185</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	668,950,037,457	583,219,792,077
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(673,017,121,223)	(583,892,705,317)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4,067,083,766)</b>	<b>(672,913,240)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>170,264,190</b>	<b>(1,904,102,781)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>239,988,583</b>	<b>2,144,091,364</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		44,306,460	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>454,559,233</b>	<b>239,988,583</b>


Võ Thành Nhân  
Người lập biểu/Kế toán trưởngNguyễn Thế Kỳ  
Tổng Giám đốc

# CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần S.P.M (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, mua bán dược phẩm và cho thuê tài sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đại dịch Covid-19

Năm 2021, dịch Covid-19 lây lan trên diện rộng đã ảnh hưởng tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam nói chung và hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng do nhiều địa phương (TP. Hồ Chí Minh, các tỉnh Đông Nam Bộ, Đồng bằng sông Cửu Long, Miền Trung, TP. Hà Nội,...) phải thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16+, Chỉ thị 16 hoặc Chỉ thị 15 trong thời gian dài để kiểm soát dịch bệnh. Các biện pháp ngăn chặn nghiêm ngặt được áp dụng trên phạm vi rộng, giãn cách xã hội kéo dài dẫn đến đứt gãy lưu thông, sản xuất kinh doanh bị đình trệ. Hầu hết các hoạt động thương mại, lưu trú ăn uống phải đóng cửa; chỉ một số cơ sở lưu trú được phép cung cấp dịch vụ cho người bị cách ly có thể hoạt động cầm chừng.

Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đánh giá về tác động tổng thể của tình hình đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng như các ảnh hưởng đến tài chính, bao gồm khả năng thu hồi nợ và nhận thấy dịch Covid-19 không có ảnh hưởng trọng yếu đến Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

#### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 179 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 216 nhân viên).

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

#### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu và vốn chủ sở hữu tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ vốn điều lệ của Công ty so với tổng vốn điều lệ thực góp tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

- 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### **6. Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

#### **7. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí nghiên cứu và chi phí sửa chữa. Chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ chi phí này.

##### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 01 năm đến 03 năm.

##### ***Chi phí nghiên cứu***

Chi phí nghiên cứu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 05 năm.

##### ***Chi phí sửa chữa***

Chi phí sửa chữa phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

#### **8. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế



## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	08 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 10

#### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

##### ***Quyền sử dụng đất***

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 46 năm.

##### ***Chương trình phần mềm máy tính***

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 03-04 năm.

#### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

#### 11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

---

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

## 12. **Vốn chủ sở hữu**

### ***Vốn góp của chủ sở hữu***

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## 13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

## 14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

### ***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **15. Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

### **16. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **17. Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### **18. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

## **CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### **Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

#### **19. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

#### **20. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	218.501.657	216.531.102
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	236.057.576	23.457.481
<b>Cộng</b>	<b><u>454.559.233</u></b>	<b><u>239.988.583</u></b>

### 2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	<b>701.040.958.969</b>
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành (*)	-	701.040.958.969
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>752.698.034.696</b>	<b>15.701.254.400</b>
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành (*)	735.836.434.645	-
Phải thu các khách hàng khác	16.861.600.051	15.701.254.400
<b>Cộng</b>	<b><u>752.698.034.696</u></b>	<b><u>716.742.213.369</u></b>

(\*) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành không còn là bên liên quan.

### 3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
KHS Synchemica Corp - Taiwan	5.531.268.767	5.531.268.767
Specialty Ingredient Management Llc - Usa	7.665.096.590	7.665.096.590
Francopia	4.532.625.000	4.532.625.000
Các nhà cung cấp khác	39.358.370.784	47.074.480.921
<b>Cộng</b>	<b><u>57.087.361.141</u></b>	<b><u>64.803.471.278</u></b>

### 4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Cho bên liên quan vay</i>	-	<b>1.412.327.657</b>
Cho Ông Đào Hữu Hoàng vay	-	1.412.327.657
<i>Cho tổ chức khác vay</i>	<b>37.000.000.000</b>	<b>37.000.000.000</b>
Cho Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V vay	37.000.000.000	37.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>37.000.000.000</u></b>	<b><u>38.412.327.657</u></b>

### 5. Phải thu khác

#### 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
<i>Phải thu bên liên quan</i>	<b>32.279.035.169</b>	-	<b>36.743.749.214</b>	-
Ông Đào Hữu Hoàng - Lãi cho vay	32.279.035.169	-	36.743.749.214	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<b>46.239.066.879</b>	<b>(45.575.000.000)</b>	<b>51.408.772.715</b>	<b>(45.575.000.000)</b>
Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V - Lãi cho vay	31.370.000.000	(31.370.000.000)	31.370.000.000	(31.370.000.000)

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc Hoàng Gia - Tiền chuyển nhượng cổ phiếu	14.205.000.000	(14.205.000.000)	14.205.000.000	(14.205.000.000)
Tạm ứng	415.877.234	-	5.025.840.398	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	248.189.645	-	807.932.317	-
<b>Cộng</b>	<b>78.518.102.048</b>	<b>(45.575.000.000)</b>	<b>88.152.521.929</b>	<b>(45.575.000.000)</b>

#### 5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu bên liên quan</b>	-	-	35.000.000.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - góp vốn thực hiện dự án mỏ đá xây dựng tại tỉnh Hà Tĩnh	-	-	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - góp vốn thực hiện dự án mỏ đá hoa trắng tại tỉnh Yên Bái	-	-	15.000.000.000	-
<b>Phải thu tổ chức khác</b>	35.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - góp vốn thực hiện dự án mỏ đá xây dựng tại tỉnh Hà Tĩnh	20.000.000.000	-	-	-
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - góp vốn thực hiện dự án mỏ đá hoa trắng tại tỉnh Yên Bái	15.000.000.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>35.000.000.000</b>	-	<b>35.000.000.000</b>	-

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành không còn là bên liên quan.

Theo Hợp đồng hợp tác với Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành, Công ty sẽ được chia lợi nhuận từ các dự án này. Tuy nhiên đến nay các dự án này vẫn chưa được triển khai.

#### 6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi		Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V- Thu tiền cho vay	Trên 03 năm	37.000.000.000	-	Trên 03 năm	37.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn A.S.V- Tiền lãi cho vay	Trên 03 năm	31.370.000.000	-	Trên 03 năm	31.370.000.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Hữu Nghị - Tiền bán hàng hóa, thành phẩm	Trên 03 năm	11.453.833.744	-	Trên 03 năm	11.453.833.744	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sản xuất Thương mại Xuất nhập khẩu Vĩnh Phúc Hoàng Gia - Tiền chuyển nhượng cổ phiếu	Trên 03 năm	14.205.000.000	-	Trên 03 năm	14.205.000.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Trên 03 năm	-	-	Trên 03 năm	1.907.321.579	-
<b>Cộng</b>		<b>94.028.833.744</b>	-		<b>95.936.155.323</b>	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu, cho vay khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	95.936.155.323	82.263.655.323
Trích lập dự phòng bổ sung	-	13.672.500.000
Xóa nợ	(1.907.321.579)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>94.028.833.744</u></b>	<b><u>95.936.155.323</u></b>

#### 7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Hàng mua đang đi trên đường	30.428.160	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	35.820.114.974	(1.903.272.494)	28.490.421.589	(1.838.075.104)
Công cụ, dụng cụ	173.287.116	-	121.495.359	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	13.866.910.244	-	2.175.486.253	-
Thành phẩm	1.111.136.206	-	572.807.330	-
Hàng hóa	-	-	24.377.936.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>51.001.876.700</u></b>	<b><u>(1.903.272.494)</u></b>	<b><u>55.738.146.531</u></b>	<b><u>(1.838.075.104)</u></b>

Giá trị nguyên vật liệu tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng đưa vào sản xuất tại ngày kết thúc năm tài chính là 1.903.272.494 VND (số đầu năm là 1.838.075.104 VND).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.838.075.104	1.540.077.431
Trích lập dự phòng	65.197.390	297.997.673
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.903.272.494</u></b>	<b><u>1.838.075.104</u></b>

#### 8. Chi phí trả trước

##### 8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	84.398.477	332.996.666
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	1.147.347.904	267.293.249
<b>Cộng</b>	<b><u>1.231.746.381</u></b>	<b><u>600.289.915</u></b>

##### 8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	616.595.564	636.227.597
Chi phí nghiên cứu	729.000.000	972.000.000
Chi phí sửa chữa	960.885.743	209.659.795
<b>Cộng</b>	<b><u>2.306.481.307</u></b>	<b><u>1.817.887.392</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	77.775.111.894	160.237.316.938	4.720.656.672	1.039.692.340	243.772.777.844
Mua trong năm	-	6.807.160.647	-	-	6.807.160.647
Thanh lý trong năm	-	(716.363.636)	-	-	(716.363.636)
<b>Số cuối năm</b>	<b>77.775.111.894</b>	<b>166.328.113.949</b>	<b>4.720.656.672</b>	<b>1.039.692.340</b>	<b>249.863.574.855</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	3.308.815.069	122.133.991.367	538.720.309	1.039.692.340	127.021.219.085
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	39.198.298.299	132.757.687.093	3.021.179.682	1.039.692.340	176.016.857.414
Khấu hao trong năm	3.010.006.212	4.601.321.280	518.667.685	-	8.129.995.177
Thanh lý, nhượng bán	-	(485.037.865)	-	-	(485.037.865)
<b>Số cuối năm</b>	<b>42.208.304.511</b>	<b>136.873.970.508</b>	<b>3.539.847.367</b>	<b>1.039.692.340</b>	<b>183.661.814.726</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	38.576.813.595	27.479.629.845	1.699.476.990	-	67.755.920.430
<b>Số cuối năm</b>	<b>35.566.807.383</b>	<b>29.454.143.441</b>	<b>1.180.809.305</b>	<b>-</b>	<b>66.201.760.129</b>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 5.514.496.137 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.20).

**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	8.302.609.778	301.331.100	8.603.940.878
<b>Số cuối năm</b>	<b>8.302.609.778</b>	<b>301.331.100</b>	<b>8.603.940.878</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	301.331.100	301.331.100
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	3.194.942.046	301.331.100	3.496.273.146
Khấu hao trong năm	190.199.376	-	190.199.376
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.385.141.422</b>	<b>301.331.100</b>	<b>3.686.472.522</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	5.107.667.732	-	5.107.667.732
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.917.468.356</b>	<b>-</b>	<b>4.917.468.356</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-



## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.20).

#### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	42.760.820.821	-	42.760.820.821
Xây dựng cơ bản dở dang	22.593.264.676	2.386.742.510	24.980.007.186
- Công trình bệnh viện sản phụ khoa Phú Thọ	60.000.000	-	60.000.000
- Phần mềm Sthink teamwork	89.400.000	-	89.400.000
- Công trình xưởng thuốc tiêm	21.018.236.288	2.386.742.510	23.404.978.798
- Công trình xưởng thực phẩm chức năng	178.996.888	-	178.996.888
- Công trình hệ thống lọc nước và thang máy	1.246.631.500	-	1.246.631.500
<b>Cộng</b>	<b>65.354.085.497</b>	<b>2.386.742.510</b>	<b>67.740.828.007</b>

Một số chi phí mua sắm tài sản cố định hình thành trong tương lai đang dở dang có giá trị là 26.454.780.806 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hùng Vương (xem thuyết minh số V.20).

#### 12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Thông tin về các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác của Công ty như sau:

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	6.750.000.000	-	-	6.750.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Dược Thiết bị y tế Đà Nẵng	2.754.000.000	-	7.112.531.100	2.754.000.000	-	4.014.002.700
<b>Cộng</b>	<b>9.504.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9.504.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

#### Giá trị hợp lý

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc năm tài chính. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

#### 13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	236.124.918	240.644.450
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(230.259.846)	(4.519.532)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.865.072</b>	<b>236.124.918</b>

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với hoạt động ưu đãi là 15% và được giảm 50%, đối với các hoạt động khác là 20%.

#### 14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các nhà cung cấp nước ngoài	8.787.289.200	8.412.906.310
Các nhà cung cấp trong nước	16.584.627.117	30.868.155.872
<b>Cộng</b>	<b>25.371.916.317</b>	<b>39.281.062.182</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hóa chất Dược phẩm Châu Ngọc	2.053.624.999	1.032.652.301
Công ty TNHH Khoa học Dinh dưỡng Orgalife	256.641.146	383.947.230
Công ty TNHH MTV Dược Phẩm VIMEDIMEX	403.986.745	403.986.745
Công ty TNHH MTV Gamma	1.223.938.800	-
KKC Corporation Co., Ltd.	823.790.640	-
Myanmar Mediland Co., Ltd	-	1.432.602.600
Các khách hàng khác	2.413.607.194	538.772.594
<b>Cộng</b>	<b><u>7.175.589.524</u></b>	<b><u>3.791.961.470</u></b>

#### 16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	-	-	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.374.630.156	(1.374.630.156)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	330.037.046	(330.037.046)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.195.526.233	5.787.116.937	(3.843.389.989)	4.139.253.181
Thuế thu nhập cá nhân	257.875.250	226.394.750	(401.142.546)	83.127.454
Các loại thuế khác	-	1.374.630.156	(3.000.000)	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	10.112.978	(10.112.978)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.453.401.483</u></b>	<b><u>7.731.291.867</u></b>	<b><u>(5.962.312.715)</u></b>	<b><u>4.222.380.635</u></b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dược phẩm	05 %
- Hoạt động khác	10 %

#### *Thuế xuất, nhập khẩu*

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

#### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất là 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.211.089.849	10.447.779.838
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.902.694.636	1.113.785.138
- Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(178.199.801)</u>	<u>(161.406.611)</u>
Thu nhập chịu thuế	28.935.584.684	11.400.158.365
Thu nhập được miễn thuế	-	(422.527.200)
Thu nhập tính thuế	<u>28.935.584.684</u>	<u>10.977.631.165</u>

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>5.787.116.937</u></b>	<b><u>2.195.526.233</u></b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

#### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. **Phải trả người lao động**  
Tiền lương phải trả cho nhân viên.

18. **Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay	170.744.614	167.912.513
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	92.570.260	114.954.900
<b>Cộng</b>	<b><u>263.314.874</u></b>	<b><u>282.867.413</u></b>

19. **Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải trả bên liên quan</b>	<b>-</b>	<b><u>2.558.141.246</u></b>
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - Phải trả về chương trình khuyến mãi (*)	-	2.558.141.246
<b>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b><u>31.091.708.212</u></b>	<b><u>21.482.550.841</u></b>
Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành - Phải trả về chương trình khuyến mãi (*)	10.751.686.717	-
Tài sản thừa chờ giải quyết	291.770.804	291.770.804
Kinh phí công đoàn	1.372.071.006	1.372.071.006
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	257.303.935	341.593.894
Cổ tức phải trả	229.078.750	229.078.750
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	18.000.000.000	18.000.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	189.797.001	1.248.036.387
<b>Cộng</b>	<b><u>31.091.708.213</u></b>	<b><u>24.040.692.087</u></b>

(\*) Từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành không còn là bên liên quan.

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. **Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương <sup>(i)</sup>	171.409.149.234	187.643.378.544
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Chợ Lớn	-	27.828.798.064
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 5 TP. Hồ Chí Minh <sup>(ii)</sup>	39.995.943.608	-
<b>Cộng</b>	<b><u>211.405.092.842</u></b>	<b><u>215.472.176.608</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

#### Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản cố định hữu hình và vô hình của Công ty (xem thuyết minh số V.9 và V.10).
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 5 TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn kinh doanh với lãi suất theo thông báo tại từng thời điểm nhận nợ.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	215.472.176.608	202.839.033.478
Số tiền vay phát sinh trong năm	668.950.037.457	583.219.792.077
Số tiền vay đã trả trong năm	<u>(673.017.121.223)</u>	<u>(570.586.648.947)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>211.405.092.842</u></b>	<b><u>215.472.176.608</u></b>

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

## 21. Vốn chủ sở hữu

### 21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Cổ phiếu quỹ</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	416.382.568.823	757.231.567.323
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	8.247.734.073	8.247.734.073
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>140.000.000.000</u></b>	<b><u>210.885.368.500</u></b>	<b><u>(10.036.370.000)</u></b>	<b><u>424.630.302.896</u></b>	<b><u>765.479.301.396</u></b>
Số dư đầu năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	424.630.302.896	765.479.301.396
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	20.193.713.066	20.193.713.066
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b><u>140.000.000.000</u></b>	<b><u>210.885.368.500</u></b>	<b><u>(10.036.370.000)</u></b>	<b><u>444.824.015.962</u></b>	<b><u>785.673.014.462</u></b>

### 21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Đào Hữu Hoàng	61.981.200.000	61.981.200.000
Ông Đào Hữu Hoàng Vũ	17.690.200.000	17.690.200.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	10.415.000.000	10.415.000.000
Bà Đỗ Thị Mai	10.000.000.000	10.000.000.000
Các cổ đông khác	37.613.600.000	37.613.600.000
Cổ phiếu quỹ	2.300.000.000	2.300.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>140.000.000.000</u></b>	<b><u>140.000.000.000</u></b>

### 21c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.000.000	14.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	14.000.000	14.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	230.000	230.000
- Cổ phiếu phổ thông	230.000	230.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu phổ thông	13.770.000	13.770.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

## 22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### 22a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	256,97	551,00
Dollar Úc (AUD)	485,08	368,00

### 22b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Văn phòng đại diện APQ	13.668.571	-
Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Hưng Vạn Phát	4.529.250	-
Công ty Cổ phần Năng lượng A.S.V	50.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Ngôi Nhà Chung	279.837.713	-
Probactive Biotech Inc	87.663.150	-
Công ty Xuất Nhập khẩu Dược & Trang thiết bị y tế Việt Am	1.449.103.102	-
Cá nhân khác	22.519.793	-
<b>Cộng</b>	<b><u>1.907.321.579</u></b>	<b><u>-</u></b>

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng hóa	514.884.481.688	414.954.361.565
Doanh thu bán thành phẩm	251.729.680.594	243.369.217.953
Doanh thu cho thuê tài sản	1.745.454.540	1.745.454.540
<b>Cộng</b>	<b><u>768.359.616.822</u></b>	<b><u>660.069.034.058</u></b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm (tính đến ngày 30/6/2021), Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành (còn là bên liên quan) với số tiền là 339.973.588.049 VND (năm trước là 566.863.531.440 VND).

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thương mại	1.419.658.697	1.386.979.425
Hàng bán bị trả lại	47.423.928.954	48.688.260.863
Giảm giá hàng bán	9.626.479.999	-
<b>Cộng</b>	<b><u>58.470.067.650</u></b>	<b><u>50.075.240.288</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 3. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	517.056.398.538	402.401.405.249
Giá vốn của thành phẩm đã bán	107.917.049.749	113.273.261.665
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	65.197.390	297.997.673
<b>Cộng</b>	<b><u>625.038.645.677</u></b>	<b><u>515.972.664.587</u></b>

#### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	559.826	2.200.939
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	422.527.200
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	105.285.215	65.471.003
Doanh thu tài chính khác	8.280.531	-
<b>Cộng</b>	<b><u>114.125.572</u></b>	<b><u>490.199.142</u></b>

#### 5. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	11.451.758.787	14.613.571.177
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	127.823.174	100.179.006
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	658.460.063	199.497.332
Chi phí khác	3.981.500	77.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.242.023.524</u></b>	<b><u>14.913.324.515</u></b>

#### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.706.145.584	2.471.243.638
Chi phí quảng cáo, khuyến mãi, tiếp thị	29.698.319.099	39.745.937.755
Các chi phí khác	1.589.964.747	1.249.195.101
<b>Cộng</b>	<b><u>32.994.429.430</u></b>	<b><u>43.466.376.494</u></b>

#### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	6.411.309.862	6.111.273.386
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	1.253.178.791	1.668.281.793
Chi phí khấu hao tài sản cố định	735.239.863	787.803.689
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	3.000.000
Dự phòng phải thu khó đòi	-	13.672.500.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.470.710.515	2.318.642.849
Các chi phí khác	2.429.200.355	983.349.171
<b>Cộng</b>	<b><u>13.302.639.386</u></b>	<b><u>25.544.850.888</u></b>

#### 8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	177.552.589	78.351.070
Thuế bị phạt, bị truy thu	91.800.000	72.899.717
Chi phí khác	12.793.266	33.628.821
<b>Cộng</b>	<b><u>282.145.855</u></b>	<b><u>184.879.608</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### 9. Lãi trên cổ phiếu

##### 9.a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	20.193.713.066	8.247.734.073
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	20.193.713.066	8.247.734.073
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	13.770.000	13.770.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.467</u></b>	<b><u>599</u></b>

##### 9.b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

#### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	92.095.664.209	91.810.017.178
Chi phí nhân công	25.301.853.678	19.728.534.919
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.320.194.553	6.848.741.921
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.458.117.809	51.579.732.801
Chi phí khác	4.102.769.908	16.271.057.264
<b>Cộng</b>	<b><u>171.278.600.157</u></b>	<b><u>186.238.084.083</u></b>

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ liên quan đến việc mua sắm tài sản cố định của Công ty như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ	1.878.476.795	1.758.088.121
Ứng trước tiền mua tài sản	1.731.977.149	3.406.321.666

## VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao

## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính** (tiếp theo)

dịch về thuê văn phòng phải trả cho thành viên Hội đồng quản trị với số tiền là 607.752.000 VND (năm trước là 607.752.000 VND).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.4 và V.5a.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Ông Đào Hữu Hoàng – Chủ tịch Hội đồng quản trị	600.300.000	600.100.000
Nguyễn Thế Kỳ - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	491.490.000	491.490.000
Ông Bùi Công Sơn – Giám đốc Tài chính	239.490.000	239.490.000
Ông Võ Thành Nhân – Kế toán trưởng	128.880.000	-
<b>Tổng</b>	<b><u>1.460.460.000</u></b>	<b><u>1.331.080.000</u></b>

#### **1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành – Chủ đầu tư của Công ty này có quan hệ mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. Kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2021, Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành không còn là bên liên quan với Công ty do người có liên quan mật thiết với Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty đã thoái toàn bộ vốn đầu tư và không còn điều hành tại Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành.

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành như đã trình bày tại thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với Công ty TNHH Dược phẩm Đô Thành như sau (giao dịch phát sinh năm nay tính đến ngày 30/6/2021):

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua nguyên liệu, hàng hóa	2.624.596.666	3.818.304.400
Mua vật tư	-	421.705.120
Chiết khấu bán hàng, khuyến mãi và dịch vụ khác	2.707.973.612	2.863.434.451
Bù giá do chênh lệch đầu thầu	7.023.630.723	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

*Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.5b và V.19.

## **2. Thông tin về bộ phận**

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp.

### **2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh dược phẩm: sản xuất thuốc và các thực phẩm chức năng, bán sản phẩm trong nước thông qua đại lý phân phối độc quyền và trực tiếp xuất khẩu sản phẩm.
- Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa dược phẩm: mua bán thuốc nhập khẩu từ nước ngoài.
- Lĩnh vực khác: cho thuê nhà kho, chuyển nhượng dự án nhà ở.

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục đính kèm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### 2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ nhà xưởng của Công ty được đặt tại Việt Nam. Thị trường tiêu thụ của Công ty chủ yếu là Việt Nam và các nước Myanmar, Hợp chúng quốc Hoa Kỳ.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Việt Nam	677.839.467.479	580.110.210.266
Myanmar	27.570.926.982	14.197.721.630
Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	2.890.283.111	10.916.801.204
Các nước khác	1.588.871.600	4.769.060.670
<b>Cộng</b>	<b><u>709.889.549.172</u></b>	<b><u>609.993.793.770</u></b>

#### 3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

  
Võ Thành Nhân  
Người lập biểu/Kế toán trưởng

  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022  
  
Nguyễn Thế Kỳ  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	194,679,271,641	513,464,822,991	1,745,454,540	-	709,889,549,172
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>194,679,271,641</b>	<b>513,464,822,991</b>	<b>1,745,454,540</b>	<b>-</b>	<b>709,889,549,172</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	77,648,671,139	(27,456,525,928)	1,664,328,854	-	51,856,474,065
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(13,302,639,386)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					38,553,834,679
Doanh thu hoạt động tài chính					114,125,572
Chi phí tài chính					(12,242,023,524)
Thu nhập khác					67,298,977
Chi phí khác					(282,145,855)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(5,787,116,937)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(230,259,846)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>20,193,713,066</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>9,193,903,157</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9,193,903,157</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>9,426,419,001</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>9,426,419,001</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>65,197,390</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>65,197,390</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	193,293,977,665	414,954,361,565	1,745,454,540	-	609,993,793,770
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>193,293,977,665</b>	<b>414,954,361,565</b>	<b>1,745,454,540</b>	<b>-</b>	<b>609,993,793,770</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	65,949,153,919	(17,015,479,776)	1,621,078,546	-	50,554,752,689
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(25,544,850,888)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					25,009,901,801
Doanh thu hoạt động tài chính					490,199,142
Chi phí tài chính					(14,913,324,515)
Thu nhập khác					45,883,018
Chi phí khác					(184,879,608)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(2,195,526,233)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					(4,519,532)
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>8,247,734,073</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>28,847,251,287</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>28,847,251,287</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>7,806,486,170</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>7,806,486,170</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>297,997,673</b>	<b>-</b>	<b>13,672,500,000</b>	<b>-</b>	<b>13,970,497,673</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

**Phụ lục: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực sản xuất kinh doanh được phẩm</b>	<b>Lĩnh vực kinh doanh hàng hóa được phẩm</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Các khoản loại trừ</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	990,492,517,358	-	35,000,000,000	-	1,025,492,517,358
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					42,762,490,494
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1,068,255,007,852</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	275,307,621,770	-	-	-	275,307,621,770
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					7,274,371,620
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>282,581,993,390</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	944,226,288,432	24,377,936,000	35,000,000,000	-	1,003,604,224,432
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận					50,436,401,207
<b>Tổng tài sản</b>					<b>1,054,040,625,639</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	282,868,759,760	-	-	-	282,868,759,760
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận					5,692,564,483
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>288,561,324,243</b>



Võ Thành Nhân  
Người lập biểu/Kế toán trưởng



Nguyễn Thế Kỳ  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN S.P.M**

Địa chỉ: Lô số 51 Khu Công nghiệp Tân Tạo, Đường số 2, Phường Tân Tạo A, Quận Bình Tân, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Phụ lục 02: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND


	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	416.382.568.823	757.231.567.323
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	8.247.734.073	8.247.734.073
Số dư cuối năm trước	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	424.630.302.896	765.479.301.396
Số dư đầu năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	424.630.302.896	765.479.301.396
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	20.193.713.066	20.193.713.066
Số dư cuối năm nay	140.000.000.000	210.885.368.500	(10.036.370.000)	444.824.015.962	785.673.014.462



Võ Thành Nhân  
Người lập/ Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

  
 Nguyễn Thế Kỳ  
 Tổng Giám đốc
